

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BQP

Hà Nội, ngày tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực mật mã dân sự thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng

BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG

Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng; Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 211/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định về hoạt động mật mã dân sự và sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Cơ yếu Chính phủ tại Tờ trình số 883/TTr-BCY ngày 22 tháng 9 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 05 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực mật mã dân sự thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định này thay thế các thủ tục hành chính tương ứng đã được công bố tại Quyết định số 6225/QĐ-BQP ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về công bố Bộ thủ tục hành chính hiện hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng.

Điều 3. Trưởng ban Ban Cơ yếu Chính phủ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Các đồng chí Lãnh đạo Bộ Quốc phòng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Ban Cơ yếu Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc BQP;
- Cổng Thông tin điện tử BQP (để đăng tải);
- Lưu: VT, CCHC. S135.

Thượng tướng Lê Huy Vịnh

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
TRONG LĨNH VỰC MẬT MÃ DÂN SỰ**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BQP ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

PHẦN 1. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp Trung ương					
1	1.013199	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự	Nghị định số 211/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định về hoạt động mật mã dân sự và sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 14/2022/NĐ- CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.	Mật mã dân sự	Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã
2	1.013200	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự			
3	1.013201	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự			
4	1.013202	Thủ tục gia hạn Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự			
5	1.013203	Thủ tục cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự			

PHẦN 2. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự

Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép gửi Ban Cơ yếu Chính phủ thông qua Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã. Địa chỉ như sau: Số điện thoại/số fax: 024-3232.3313; Thư điện tử: info@nacis.gov.vn; Website: <http://www.nacis.gov.vn>; Cổng Dịch vụ công quốc gia: <https://dichvucong.gov.vn>. Hồ sơ trực tuyến phải được ký số theo quy định của pháp luật về chữ ký số.

Bước 2: Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ban Cơ yếu Chính phủ thẩm định và cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự; trường hợp từ chối cấp phép thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Cách thức thực hiện: Trực tiếp, hoặc qua hệ thống bưu chính, hoặc dịch vụ công trực tuyến.

Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự theo *mẫu số 01 Phụ lục III Nghị định số 211/2025/NĐ-CP ngày 25/7/2025 của Chính phủ*;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị tương đương (*không bắt buộc doanh nghiệp phải cung cấp*);

- Bản sao văn bằng hoặc chứng chỉ chuyên môn về bảo mật, an toàn thông tin của đội ngũ quản lý, điều hành, kỹ thuật;

- Phương án kỹ thuật gồm: Tài liệu về đặc tính kỹ thuật, tham số kỹ thuật của sản phẩm; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của sản phẩm; tiêu chuẩn, chất lượng dịch vụ; các biện pháp, giải pháp kỹ thuật; phương án bảo hành, bảo trì sản phẩm theo *mẫu số 03 Phụ lục III Nghị định số 211/2025/NĐ-CP ngày 25/7/2025 của Chính phủ*;

- Phương án kinh doanh gồm: Phạm vi, đối tượng cung cấp, quy mô số lượng sản phẩm, dịch vụ hệ thống phục vụ khách hàng và bảo đảm kỹ thuật theo *mẫu số 04 Phụ lục III Nghị định số 211/2025/NĐ-CP ngày 25/7/2025 của Chính phủ*;

- Phương án bảo mật và an toàn thông tin mạng trong quá trình quản lý và cung cấp sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự theo *mẫu số 05 Phụ lục III Nghị định số 211/2025/NĐ-CP ngày 25/7/2025 của Chính phủ*.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời hạn giải quyết: 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ban Cơ yếu Chính phủ thẩm định và cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự; trường hợp từ chối cấp phép thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp.

- **Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Ban Cơ yếu Chính phủ;

- **Cơ quan giải quyết:** Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự.

Phí, lệ phí: Mức thu bằng 50% mức thu phí quy định tại Mục I và Mục II Biểu mức thu phí, lệ phí ban hành kèm theo Thông tư số 249/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 (Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân).

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự (mẫu số 01 Phụ lục III Nghị định số 211/2025/NĐ-CP ngày 25/7/2025 của Chính phủ);

- Phương án kỹ thuật (mẫu số 03 Phụ lục III Nghị định số 211/2025/NĐ-CP ngày 25/7/2025 của Chính phủ);

- Phương án kinh doanh (mẫu số 04 Phụ lục III Nghị định số 211/2025/NĐ-CP ngày 25/7/2025 của Chính phủ);

- Phương án bảo mật và an toàn thông tin mạng (mẫu số 05 Phụ lục III Nghị định số 211/2025/NĐ-CP ngày 25/7/2025 của Chính phủ).

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Doanh nghiệp được cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Có đội ngũ quản lý, điều hành, kỹ thuật đáp ứng yêu cầu chuyên môn về bảo mật, an toàn thông tin: Có tối thiểu 02 cán bộ kỹ thuật có trình độ đại học trở lên thuộc một trong các ngành điện tử - viễn thông, công nghệ thông tin, toán học, an toàn thông tin; cán bộ quản lý, điều hành tốt nghiệp một trong các ngành điện tử - viễn thông, công nghệ thông tin, toán học, an toàn thông tin hoặc tốt nghiệp một ngành khác và có chứng chỉ đào tạo về an toàn thông tin;

- Có hệ thống trang thiết bị, cơ sở vật chất phù hợp với quy mô cung cấp sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự;

- Có phương án kỹ thuật phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

- Có phương án bảo mật và an toàn thông tin mạng trong quá trình quản lý và cung cấp sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự;

- Có phương án kinh doanh phù hợp: Doanh nghiệp phải có hệ thống phục vụ khách hàng và bảo đảm kỹ thuật phù hợp với phạm vi, đối tượng cung cấp, quy mô số lượng sản phẩm.

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật An toàn thông tin mạng 2015;

- Nghị định số 211/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định về hoạt động mật mã dân sự và sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng.

(TÊN DOANH NGHIỆP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự**

Kính gửi: Ban Cơ yếu Chính phủ.

Tên doanh nghiệp đề nghị cấp phép (viết bằng tiếng Việt):

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên doanh nghiệp viết tắt (nếu có):

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:

Email: Website:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/giấy tờ khác có giá trị tương đương:

do: cấp ngày:

Họ và tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Chức vụ:

Số CCCD/Số định danh cá nhân/Hộ chiếu:

cấp ngày tại

Đề nghị Ban Cơ yếu Chính phủ cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự như sau:

1. Danh mục các sản phẩm mật mã dân sự đề nghị cấp phép kinh doanh

STT	Tên nhóm sản phẩm	Tiêu chuẩn, đặc tính kỹ thuật	Phạm vi, lĩnh vực cung cấp
1			
2			

2. Danh mục các dịch vụ mật mã dân sự đề nghị cấp phép kinh doanh

STT	Tên dịch vụ	Phạm vi, lĩnh vực cung cấp
1		
2		

Tôi/chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác của các thông tin đã cung cấp và cam kết thực hiện đúng các quy định về kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự tại Luật An toàn thông tin mạng.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(TÊN DOANH NGHIỆP)

PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT

(Kèm theo Đơn đề nghị số ... ngày ... tháng ... năm ...)

I. SẢN PHẨM XIN CẤP PHÉP

1. Giới thiệu chung

Giới thiệu chung về sản phẩm cần xin cấp phép, bao gồm thông tin chung về sản phẩm; các chức năng, đặc tính kỹ thuật của sản phẩm.

2. Đặc tính kỹ thuật mật mã

Nêu rõ các thuật toán mật mã, tham số mật mã được sử dụng trong sản phẩm (tham chiếu kết quả đánh giá, chứng nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối với các đặc tính kỹ thuật mật mã của sản phẩm).

3. Mô hình triển khai

Mô tả mô hình triển khai sản phẩm và nguyên lý chung của việc sử dụng sản phẩm nhằm bảo mật, xác thực thông tin trong hệ thống.

4. Cấu hình tham số mật mã

Mô tả việc thiết lập, cấu hình các tham số mật được sử dụng trong sản phẩm và tài liệu tham chiếu (nếu có).

II. PHƯƠNG ÁN BẢO HÀNH, BẢO TRÌ SẢN PHẨM MẬT MÃ DÂN SỰ

1. Tổng quan
2. Phạm vi bảo hành, bảo trì
3. Quy trình bảo hành
4. Địa chỉ bảo hành

(TÊN DOANH NGHIỆP)

PHƯƠNG ÁN KINH DOANH

(Kèm theo Đơn đề nghị số ... ngày ... tháng ... năm ...)

I. TỔNG QUAN VỀ DOANH NGHIỆP

1. Giới thiệu về doanh nghiệp

Giới thiệu các thông tin chung và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Cơ sở vật chất

Mô tả hệ thống trang thiết bị, cơ sở vật chất của doanh nghiệp.

3. Nhân sự

Thống kê đội ngũ quản lý, điều hành, kỹ thuật (ghi rõ thông tin số lượng và trình độ chuyên môn).

II. PHƯƠNG ÁN KINH DOANH SẢN PHẨM, DỊCH VỤ MẬT MÃ DÂN SỰ

1. Phạm vi, đối tượng cung cấp

Nêu rõ phạm vi, đối tượng, lĩnh vực cung cấp sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự.

2. Kế hoạch kinh doanh sản phẩm, dịch vụ

Trình bày dự kiến kế hoạch kinh doanh, quy mô, số lượng sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự.

III. PHƯƠNG ÁN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ MẬT MÃ DÂN SỰ

Mô tả dịch vụ hệ thống phục vụ khách hàng và bảo đảm kỹ thuật.

(TÊN DOANH NGHIỆP)

PHƯƠNG ÁN BẢO MẬT VÀ AN TOÀN THÔNG TIN MẠNG

(Kèm theo Đơn đề nghị số ... ngày ... tháng ... năm ...)

I. DỮ LIỆU CẦN BẢO VỆ

Trình bày các dữ liệu nhạy cảm cần bảo vệ của cá nhân, tổ chức liên quan tới hoạt động quản lý và cung cấp sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự mà doanh nghiệp lưu giữ.

II. PHƯƠNG ÁN BẢO MẬT

Trình bày các biện pháp nghiệp vụ và kỹ thuật để bảo vệ dữ liệu nhạy cảm nêu tại mục I.

2. Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự

Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp lập hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép gửi Ban Cơ yếu Chính phủ thông qua Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã. Địa chỉ như sau: Số điện thoại/số fax: 024-3232.3313; Thư điện tử: info@nacis.gov.vn; Website: <http://www.nacis.gov.vn>; Cổng Dịch vụ công quốc gia: <https://dichvucong.gov.vn>. Hồ sơ trực tuyến phải được ký số theo quy định của pháp luật về chữ ký số.

Bước 2: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ban Cơ yếu Chính phủ thẩm định, sửa đổi, bổ sung và cấp lại Giấy phép cho doanh nghiệp; trường hợp từ chối cấp phép thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Cách thức thực hiện: Trực tiếp, hoặc qua hệ thống bưu chính, hoặc dịch vụ công trực tuyến.

Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép theo *mẫu số 02 Phụ lục III Nghị định số 211/2025/NĐ-CP*;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị tương đương (*không bắt buộc doanh nghiệp phải cung cấp*);

- Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự đã được cấp (*không bắt buộc doanh nghiệp phải cung cấp*);

- Phương án kỹ thuật gồm: Tài liệu về đặc tính kỹ thuật, tham số kỹ thuật của sản phẩm; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của sản phẩm; tiêu chuẩn, chất lượng dịch vụ; các biện pháp, giải pháp kỹ thuật; phương án bảo hành, bảo trì sản phẩm theo *mẫu số 03 Phụ lục III Nghị định số 211/2025/NĐ-CP*;

- Phương án kinh doanh gồm: Phạm vi, đối tượng cung cấp, quy mô số lượng sản phẩm, dịch vụ hệ thống phục vụ khách hàng và bảo đảm kỹ thuật theo *mẫu số 04 Phụ lục III Nghị định số 211/2025/NĐ-CP*;

- Phương án bảo mật và an toàn thông tin mạng trong quá trình quản lý và cung cấp sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự theo *mẫu số 05 Phụ lục III Nghị định số 211/2025/NĐ-CP*.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời hạn giải quyết: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ban Cơ yếu Chính phủ thẩm định và cấp lại Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự; trường hợp từ chối cấp phép thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp.

- ***Cơ quan có thẩm quyền quyết định:*** Ban Cơ yếu Chính phủ.

- **Cơ quan giải quyết:** Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự.

Phí, lệ phí: *Mức thu bằng 50% mức thu phí quy định tại Mục I và Mục II Biểu mức thu phí, lệ phí ban hành kèm theo Thông tư số 249/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 (Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân).*

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự (*mẫu số 02 Phụ lục III Nghị định số 211/2025/NĐ-CP ngày 25/7/2025 của Chính phủ*);

- Phương án kỹ thuật (*mẫu số 03 Phụ lục III Nghị định số 211/2025/NĐ-CP ngày 25/7/2025 của Chính phủ*);

- Phương án kinh doanh (*mẫu số 04 Phụ lục III Nghị định số 211/2025/NĐ-CP ngày 25/7/2025 của Chính phủ*);

- Phương án bảo mật và an toàn thông tin mạng (*mẫu số 05 Phụ lục III Nghị định số 211/2025/NĐ-CP ngày 25/7/2025 của Chính phủ*).

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự được thực hiện trong trường hợp doanh nghiệp đã được cấp Giấy phép thay đổi tên, thay đổi người đại diện theo pháp luật hoặc thay đổi, bổ sung sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự.

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật An toàn thông tin mạng 2015;

- *Nghị định số 211/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định về hoạt động mật mã dân sự và sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng.*

(TÊN DOANH NGHIỆP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

....., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Sửa đổi, bổ sung/cấp lại/gia hạn****Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự**

Kính gửi: Ban Cơ yếu Chính phủ.

Tên doanh nghiệp đề nghị cấp phép (*viết bằng tiếng Việt*):Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*):Tên doanh nghiệp viết tắt (*nếu có*):

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:

Email: Website:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/giấy tờ khác
có giá trị tương đương:

do: cấp ngày:

Họ và tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Chức vụ:

Số CCCD/Số định danh cá nhân/Hộ chiếu:

cấp ngày tại

Lý do đề nghị:

(ghi rõ lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung/cấp lại/gia hạn Giấy phép)

Đề nghị Ban Cơ yếu Chính phủ:

*(ghi rõ yêu cầu sửa đổi, bổ sung/cấp lại/gia hạn Giấy phép)*Tôi/chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác của các thông
tin đã cung cấp và cam kết thực hiện đúng các quy định về kinh doanh sản phẩm, dịch vụ
mật mã dân sự tại Luật An toàn thông tin mạng.**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP***(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

(TÊN DOANH NGHIỆP)

PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT

(Kèm theo Đơn đề nghị số ... ngày ... tháng ... năm ...)

I. SẢN PHẨM XIN CẤP PHÉP

1. Giới thiệu chung

Giới thiệu chung về sản phẩm cần xin cấp phép, bao gồm thông tin chung về sản phẩm; các chức năng, đặc tính kỹ thuật của sản phẩm.

2. Đặc tính kỹ thuật mật mã

Nêu rõ các thuật toán mật mã, tham số mật mã được sử dụng trong sản phẩm (tham chiếu kết quả đánh giá, chứng nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối với các đặc tính kỹ thuật mật mã của sản phẩm).

3. Mô hình triển khai

Mô tả mô hình triển khai sản phẩm và nguyên lý chung của việc sử dụng sản phẩm nhằm bảo mật, xác thực thông tin trong hệ thống.

4. Cấu hình tham số mật mã

Mô tả việc thiết lập, cấu hình các tham số mật được sử dụng trong sản phẩm và tài liệu tham chiếu (nếu có).

II. PHƯƠNG ÁN BẢO HÀNH, BẢO TRÌ SẢN PHẨM MẬT MÃ DÂN SỰ

1. Tổng quan
2. Phạm vi bảo hành, bảo trì
3. Quy trình bảo hành
4. Địa chỉ bảo hành

(TÊN DOANH NGHIỆP)

PHƯƠNG ÁN KINH DOANH

(Kèm theo Đơn đề nghị số ... ngày ... tháng ... năm ...)

I. TỔNG QUAN VỀ DOANH NGHIỆP

1. Giới thiệu về doanh nghiệp

Giới thiệu các thông tin chung và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Cơ sở vật chất

Mô tả hệ thống trang thiết bị, cơ sở vật chất của doanh nghiệp.

3. Nhân sự

Thống kê đội ngũ quản lý, điều hành, kỹ thuật (ghi rõ thông tin số lượng và trình độ chuyên môn).

II. PHƯƠNG ÁN KINH DOANH SẢN PHẨM, DỊCH VỤ MẬT MÃ DÂN SỰ

1. Phạm vi, đối tượng cung cấp

Nêu rõ phạm vi, đối tượng, lĩnh vực cung cấp sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự.

2. Kế hoạch kinh doanh sản phẩm, dịch vụ

Trình bày dự kiến kế hoạch kinh doanh, quy mô, số lượng sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự.

III. PHƯƠNG ÁN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ MẬT MÃ DÂN SỰ

Mô tả dịch vụ hệ thống phục vụ khách hàng và bảo đảm kỹ thuật.

(TÊN DOANH NGHIỆP)

PHƯƠNG ÁN BẢO MẬT VÀ AN TOÀN THÔNG TIN MẠNG

(Kèm theo Đơn đề nghị số ... ngày ... tháng ... năm ...)

I. DỮ LIỆU CẦN BẢO VỆ

Trình bày các dữ liệu nhạy cảm cần bảo vệ của cá nhân, tổ chức liên quan tới hoạt động quản lý và cung cấp sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự mà doanh nghiệp lưu giữ.

II. PHƯƠNG ÁN BẢO MẬT

Trình bày các biện pháp nghiệp vụ và kỹ thuật để bảo vệ dữ liệu nhạy cảm nêu tại mục I.

3. Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự

Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp lập hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép gửi Ban Cơ yếu Chính phủ thông qua Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã. Địa chỉ như sau: Số điện thoại/số fax: 024-3232.3313; Thư điện tử: info@nacis.gov.vn; Website: <http://www.nacis.gov.vn>; Cổng Dịch vụ công quốc gia: <https://dichvucong.gov.vn>. Hồ sơ trực tuyến phải được ký số theo quy định của pháp luật về chữ ký số.

Bước 2: Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ban Cơ yếu Chính phủ xem xét và cấp lại Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự; trường hợp từ chối cấp phép thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Cách thức thực hiện: Trực tiếp, hoặc qua hệ thống bưu chính, hoặc dịch vụ công trực tuyến.

Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự theo mẫu số 02 Phụ lục III Nghị định số 211/2025/NĐ-CP.
- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời hạn giải quyết: 04 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ban Cơ yếu Chính phủ thẩm định và cấp lại Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự; trường hợp từ chối cấp phép thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp.

- **Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Ban Cơ yếu Chính phủ.

- **Cơ quan giải quyết:** Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự.

Phí, lệ phí: Mức thu bằng 50% mức thu phí quy định tại Mục I và Mục II Biểu mức thu phí, lệ phí ban hành kèm theo Thông tư số 249/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 (Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân).

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự (mẫu số 02 Phụ lục III Nghị định số 211/2025/NĐ-CP ngày 25/7/2025 của Chính phủ).

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Trường hợp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự bị mất hoặc bị hư hỏng.

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật An toàn thông tin mạng 2015;

- Nghị định số 211/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định về hoạt động mật mã dân sự và sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng.

(TÊN DOANH NGHIỆP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

....., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Sửa đổi, bổ sung/cấp lại/gia hạn****Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự**

Kính gửi: Ban Cơ yếu Chính phủ.

Tên doanh nghiệp đề nghị cấp phép (*viết bằng tiếng Việt*):Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*):Tên doanh nghiệp viết tắt (*nếu có*):

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:

Email: Website:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/giấy tờ khác
có giá trị tương đương:

do: cấp ngày:

Họ và tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Chức vụ:

Số CCCD/Số định danh cá nhân/Hộ chiếu:

cấp ngày tại

Lý do đề nghị:

(ghi rõ lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung/cấp lại/gia hạn Giấy phép)

Đề nghị Ban Cơ yếu Chính phủ:

*(ghi rõ yêu cầu sửa đổi, bổ sung/cấp lại/gia hạn Giấy phép)*Tôi/chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác của các thông tin
đã cung cấp và cam kết thực hiện đúng các quy định về kinh doanh sản phẩm, dịch vụ
mật mã dân sự tại Luật An toàn thông tin mạng.**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP***(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

4. Thủ tục gia hạn Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự

Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp lập hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép gửi Ban Cơ yếu Chính phủ thông qua Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã. Địa chỉ như sau: Số điện thoại/số fax: 024-3232.3313; Thư điện tử: info@nacis.gov.vn; Website: <http://www.nacis.gov.vn>; Cổng Dịch vụ công quốc gia: <https://dichvucong.gov.vn>. Hồ sơ trực tuyến phải được ký số theo quy định của pháp luật về chữ ký số.

Bước 2: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ban Cơ yếu Chính phủ thẩm định, gia hạn và cấp lại Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự; trường hợp từ chối cấp phép thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Cách thức thực hiện:

Trực tiếp, hoặc qua hệ thống bưu chính, hoặc dịch vụ công trực tuyến.

Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự theo mẫu số 02 Phụ lục III Nghị định số 211/2025/NĐ-CP;
- Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự đã được cấp (*không bắt buộc doanh nghiệp phải cung cấp*);
- Báo cáo hoạt động của doanh nghiệp trong 02 năm gần nhất.
- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời hạn giải quyết: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ban Cơ yếu Chính phủ thẩm định, gia hạn và cấp lại Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự; trường hợp từ chối cấp phép thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp.

- ***Cơ quan có thẩm quyền quyết định:*** Ban Cơ yếu Chính phủ.
- ***Cơ quan giải quyết:*** Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự.

Phí, lệ phí: Mức thu bằng 50% mức thu phí quy định tại Mục I và Mục II Biểu mức thu phí, lệ phí ban hành kèm theo Thông tư số 249/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 (Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân).

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự (mẫu số 02 Phụ lục III Nghị định số 211/2025/NĐ-CP ngày 25/7/2025 của Chính phủ).

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Doanh nghiệp không vi phạm các quy định của pháp luật về kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự được gia hạn Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự một lần với thời gian gia hạn không quá 01 năm;
- Hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép phải được gửi tới Ban Cơ yếu Chính phủ chậm nhất là 60 ngày trước ngày Giấy phép hết hạn.

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật An toàn thông tin mạng 2015;
- *Nghị định số 211/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định về hoạt động mật mã dân sự và sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng.*

(TÊN DOANH NGHIỆP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

....., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Sửa đổi, bổ sung/cấp lại/gia hạn****Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự**

Kính gửi: Ban Cơ yếu Chính phủ.

Tên doanh nghiệp đề nghị cấp phép (viết bằng tiếng Việt):

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên doanh nghiệp viết tắt (nếu có):

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:

Email: Website:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/giấy tờ khác có giá trị tương đương:

do: cấp ngày:

Họ và tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Chức vụ:

Số CCCD/Số định danh cá nhân/Hộ chiếu:

cấp ngày tại

Lý do đề nghị:

(ghi rõ lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung/cấp lại/gia hạn Giấy phép)

Đề nghị Ban Cơ yếu Chính phủ:

(ghi rõ yêu cầu sửa đổi, bổ sung/cấp lại/gia hạn Giấy phép)

Tôi/chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác của các thông tin đã cung cấp và cam kết thực hiện đúng các quy định về kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự tại Luật An toàn thông tin mạng.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

5. Thủ tục cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự

Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự gửi Ban Cơ yếu Chính phủ thông qua Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã. Địa chỉ như sau: Số điện thoại/số fax: 024-3232.3313; Thư điện tử: info@nacis.gov.vn; Website: <http://www.nacis.gov.vn>; Cổng Dịch vụ công quốc gia: <https://dichvucong.gov.vn>. Hồ sơ trực tuyến phải được ký số theo quy định của pháp luật về chữ ký số.

Bước 2: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ban Cơ yếu Chính phủ thẩm định và cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự; trường hợp từ chối cấp phép thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Cách thức thực hiện:

Trực tiếp, hoặc qua hệ thống bưu chính, hoặc dịch vụ công trực tuyến.

Thành phần hồ sơ:

Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự gồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự theo mẫu số 07 Phụ lục III Nghị định số 211/2025/NĐ-CP;
- Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự đã được cấp (*không bắt buộc doanh nghiệp phải cung cấp*);
- Bản sao Giấy chứng nhận hợp quy đối với sản phẩm mật mã dân sự nhập khẩu (*không bắt buộc doanh nghiệp phải cung cấp*).
- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban Cơ yếu Chính phủ thẩm định và cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự; trường hợp từ chối cấp phép thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp.

- **Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Ban Cơ yếu Chính phủ.
- **Cơ quan giải quyết:** Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự.

Phí, lệ phí: Thông tư số 249/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự (mẫu số 07 Phụ lục III Nghị định số 211/2025/NĐ-CP).

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Có Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự;
- Sản phẩm mật mã dân sự nhập khẩu phải được chứng nhận, công bố hợp quy theo quy định của pháp luật;
- Đối tượng và mục đích sử dụng sản phẩm mật mã dân sự không gây phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội.

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật An toàn thông tin mạng 2015;
- Nghị định số 211/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định về hoạt động mật mã dân sự và sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng.

(TÊN DOANH NGHIỆP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

....., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Cấp Giấy phép xuất khẩu/nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự**

Kính gửi: Ban Cơ yếu Chính phủ.

Tên doanh nghiệp đề nghị cấp phép (viết bằng tiếng Việt):

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên doanh nghiệp viết tắt (nếu có):

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/giấy tờ khác có giá trị tương đương:

do: cấp ngày:

Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự số:
do Ban Cơ yếu Chính phủ cấp ngày

Giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm số

do: cấp ngày: (nếu có).

Đề nghị Ban Cơ yếu cấp Giấy phép xuất khẩu sản phẩm mật mã dân sự/Giấy phép nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự theo danh mục kèm theo Đơn này.

Tôi/chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác của các thông tin đã cung cấp và cam kết thực hiện đúng các quy định về kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự tại Luật An toàn thông tin mạng.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

BẢN KÊ KHAI DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM MẬT MÃ DÂN SỰ
ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

*(Kèm theo Đơn đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự
số ... ngày ... / ... / ... của ...⁽¹⁾)*

TT	Tên sản phẩm	Tên hãng	Model	Mã HS	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Số lượng	Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ⁽²⁾	Đặc tính kỹ thuật	Mục đích xuất khẩu/nhập khẩu
1										
2										
...										

⁽¹⁾ Tên doanh nghiệp

⁽²⁾ Quy chuẩn kỹ thuật chỉ áp dụng đối với trường hợp nhập khẩu (nếu có)